

VIETNAM GIFTED EDUCATION SYSTEM: HISTORY, ACHIEVEMENTS, AND FUTURE DIRECTIONS

Le Anh Vinh¹, Hoang Ngoc My Lam^{*2},
Tran Thi Bich Ngan³, Do Duc Lan⁴

* Corresponding author
Email: lamhnm@vnies.edu.vn

¹ Email: vinhla@vnies.edu.vn

³ Email: ngantb@vnies.edu.vn

⁴ Email: landd@vnies.edu.vn

^{1,2,3,4} The Vietnam National Institute
of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Cua Nam ward,
Hanoi, Vietnam

Received: 23/12/2025

Revised: 15/5/2026

Accepted: 25/6/2026

Published: 25/7/2026

Abstract: This article analyzes the formation and development of the system of gifted upper secondary schools in Vietnam. Using historical-policy analysis along with synthesis and comparative methods, the study delineates four major phases: Establishment (1965–1975), Expansion (1975–2000), Integration (2000–2020), and Modernization (2020–present). The findings show that the gifted school system has achieved remarkable success in educating talented students, particularly evidenced by outstanding performance in international Olympiads, and has contributed significantly to the development of a high-quality human resource base for the country. Nevertheless, the system also expresses several limitations, including an overemphasis on examination performance, psychological pressure on students, and regional disparities in access to opportunities. Drawing on theoretical frameworks of gifted education proposed by Gagné and Renzulli, the article proposes policy implications that advocate a shift from a philosophy of “elite selection” toward one of “cultivating and nurturing potential” to build a more comprehensive, equitable, and flexible ecosystem for gifted education.

Keywords: Gifted education, gifted schools, Vietnam education history, education policy, talent development, gifted school model.

HỆ THỐNG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN TẠI VIỆT NAM: LỊCH SỬ, THÀNH TỰU VÀ HƯỚNG ĐI TƯƠNG LAI

Lê Anh Vinh¹, Hoàng Ngọc Mỹ Lam^{*2},
Trần Thị Bích Ngan³, Đỗ Đức Lân⁴

* Tác giả liên hệ:
Email: lamhnm@vnies.edu.vn

¹ Email: vinhla@vnies.edu.vn

³ Email: ngantb@vnies.edu.vn

⁴ Email: landd@vnies.edu.vn

^{1,2,3,4} Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 23/12/2025

Chỉnh sửa xong: 15/5/2026

Chấp nhận đăng: 25/6/2026

Xuất bản: 25/7/2026

Tóm tắt: Bài viết này phân tích quá trình hình thành và phát triển của hệ thống trường Trung học phổ thông chuyên tại Việt Nam. Bằng phương pháp phân tích lịch sử - chính sách và tổng hợp, so sánh, bài viết làm rõ các giai đoạn chính: Hình thành (1965–1975), Mở rộng (1975–2000), Hội nhập (2000–2020) và Hiện đại hóa (2020–nay). Kết quả cho thấy, hệ thống trường chuyên đã đạt được những thành tựu rực rỡ trong việc đào tạo học sinh tài năng, đặc biệt là thành tích tại các kì thi Olympic quốc tế, đóng góp nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước. Tuy nhiên, hệ thống này cũng bộc lộ những hạn chế như thiên lệch về thành tích thi cử, áp lực tâm lý lên học sinh và sự bất bình đẳng về cơ hội giữa các vùng miền. Dựa trên các khung lý thuyết về giáo dục tài năng của Gagné và Renzulli, bài viết đề xuất các hàm ý chính sách nhằm chuyển đổi từ triết lý “tuyển chọn tinh hoa” sang “ươm mầm và nuôi dưỡng tiềm năng”, hướng tới xây dựng một hệ sinh thái giáo dục tài năng toàn diện, công bằng và linh hoạt hơn.

Từ khóa: Giáo dục tài năng, trường trung học phổ thông chuyên, lịch sử giáo dục Việt Nam, chính sách giáo dục, phát triển nhân tài, mô hình trường chuyên.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nguồn nhân lực chất lượng cao

được coi là yếu tố then chốt quyết định năng lực cạnh tranh và vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Việt Nam, với truyền thống hiếu học và chủ trương

trọng dụng nhân tài, đã sớm nhận thức được tầm quan trọng của việc phát hiện, bồi dưỡng và phát triển tài năng thông qua một hệ thống giáo dục chuyên biệt. Hệ thống trường trung học phổ thông chuyên, khởi nguồn từ những lớp toán đặc biệt ra đời trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt những năm 1960, đã trở thành một đặc trưng tiêu biểu của nền giáo dục Việt Nam. Đây không chỉ là mô hình đào tạo nhân lực mũi nhọn mà còn phản ánh tầm nhìn chiến lược, coi tri thức và khoa học - công nghệ là động lực trọng yếu cho sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc và phát triển đất nước.

Hành trình phát triển của hệ thống trường chuyên đồng thời phản ánh sự tiến bộ của nền giáo dục và những biến động lớn trong lịch sử dân tộc. Từ giai đoạn hình thành với nhiệm vụ đào tạo nhân lực phục vụ công cuộc kháng chiến và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc, đến quá trình mở rộng sau thống nhất nhằm đáp ứng yêu cầu tái thiết và phát triển, gần đây là giai đoạn hội nhập quốc tế sâu rộng, hệ thống trường chuyên đã không ngừng thích ứng để đáp ứng yêu cầu của từng thời kì (Chính phủ Việt Nam, 2012). Nhờ đó, các trường chuyên đã trở thành một trong những kênh đào tạo nhân lực quan trọng, đóng góp trực tiếp vào việc hình thành đội ngũ tri thức tinh hoa phục vụ sự phát triển của quốc gia.

Thành tựu của hệ thống trường chuyên Việt Nam được thể hiện rõ nét qua những kết quả ấn tượng tại các kì thi Olympic quốc tế. Kể từ tấm huy chương vàng đầu tiên tại Olympic Toán học quốc tế năm 1974, các thế hệ học sinh Việt Nam liên tục gặt hái thành tích xuất sắc, khẳng định vị thế trí tuệ của đất nước trên trường quốc tế (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2024). Những thành công này không chỉ góp phần xây dựng uy tín quốc tế cho nền giáo dục Việt Nam mà còn chứng minh tính hiệu quả của mô hình đào tạo chuyên biệt trong việc phát hiện và bồi dưỡng nhân tài khoa học.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đáng tự hào, hệ thống trường chuyên hiện nay cũng đang đối mặt với nhiều hạn chế và thách thức. Việc tập trung quá mức vào thành tích thi cử đã dẫn đến tình trạng "học lệch", tạo áp lực tâm lí lớn đối với học sinh, đồng thời bỏ qua cơ hội phát triển toàn diện các năng lực khác (Lê Anh Vinh và cộng sự, 2024). Hơn nữa, sự tập trung nguồn lực chất lượng cao tại một số trường chuyên ở các đô thị lớn đã làm gia tăng khoảng cách về cơ hội tiếp cận giáo dục giữa các vùng miền, dẫn đến nguy cơ bất bình đẳng trong hệ thống giáo dục quốc dân (Lê Anh Vinh và cộng sự,

2025). Những thách thức này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đổi mới mô hình trường chuyên theo hướng toàn diện, công bằng và bền vững hơn.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu này hướng tới việc phân tích quá trình hình thành và phát triển của hệ thống trường trung học phổ thông chuyên tại Việt Nam, đồng thời đánh giá những thành tựu và hạn chế trong suốt chặng đường phát triển. Quan trọng hơn, nghiên cứu đề xuất các định hướng chiến lược cho giai đoạn tiếp theo, với trọng tâm là sự chuyển đổi từ triết lí "Tuyển chọn tinh hoa" sang "Ươm mầm và nuôi dưỡng tiềm năng". Sự chuyển đổi này được kì vọng sẽ góp phần xây dựng một hệ sinh thái giáo dục tài năng hiện đại, công bằng và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của đất nước trong kỉ nguyên mới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp tiếp cận định tính, kết hợp phân tích lịch sử - chính sách với phương pháp tổng hợp và so sánh. Cách tiếp cận này cho phép tái hiện một cách toàn diện quá trình hình thành và phát triển của hệ thống trường chuyên trong mối liên hệ chặt chẽ với bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước qua các giai đoạn lịch sử.

Nguồn tư liệu được sử dụng trong nghiên cứu bao gồm ba nhóm chính. Thứ nhất, là các văn bản chính sách và pháp quy của Đảng và Nhà nước, bao gồm các nghị quyết, quyết định của Chính phủ và Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đặc biệt quan trọng là Quyết định số 959/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 về việc phê duyệt Đề án phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên giai đoạn 2010-2020 (Thủ tướng Chính phủ, 2010) và Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT về quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2023). Thứ hai, là các tài liệu lịch sử, công trình nghiên cứu và báo cáo khoa học đã được công bố của các cơ quan quản lí và viện nghiên cứu. Trong đó, các báo cáo của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam cung cấp những phân tích sâu sắc về thực trạng và xu hướng phát triển của hệ thống trường chuyên (Bùi Diệu Quỳnh và cộng sự, 2021). Thứ ba, là các bài báo và công trình khoa học của các học giả trong và ngoài nước về giáo dục tài năng và hệ thống trường chuyên.

Trên cơ sở các nguồn tư liệu này, quá trình phân tích được triển khai theo hướng đối chiếu giữa bối cảnh lịch sử, sự thay đổi chính sách và những biểu hiện vận hành của mô hình trường chuyên qua từng

giai đoạn. Cách tiếp cận đó giúp bài viết không chỉ mô tả tiến trình phát triển của hệ thống trường chuyên mà còn làm rõ logic chính sách, các điểm chuyển đổi về mục tiêu đào tạo, phạm vi tiếp cận và yêu cầu đổi mới mô hình giáo dục tài năng trong bối cảnh hiện nay.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý thuyết nền tảng về giáo dục tài năng

Nghiên cứu được định hướng bởi hai khung lý thuyết chính về giáo dục tài năng. Mô hình Phát triển Tài năng khác biệt (DMGT) của François Gagné phân biệt rõ ràng giữa năng khiếu là tiềm năng bẩm sinh, tài năng là năng lực được phát triển qua quá trình học tập và rèn luyện có hệ thống (Gagné, F., 2000). Mô hình này nhấn mạnh vai trò của các yếu tố môi trường và can thiệp giáo dục trong việc chuyển đổi năng khiếu thành tài năng. Mô hình Ba Vòng tròn của Joseph Renzulli khẳng định rằng, hành vi tài năng thực sự là kết quả của sự tương tác giữa ba yếu tố: Năng lực trên trung bình, Sự tận tâm với nhiệm vụ và Khả năng sáng tạo (Renzulli, J. S., 1978). Mô hình này mở rộng cách nhìn về tài năng, không chỉ giới hạn ở năng lực học thuật mà còn bao gồm các yếu tố động lực và sáng tạo. Các khung lý thuyết này cung cấp lăng kính phân tích đa chiều, giúp đánh giá hệ thống trường chuyên không chỉ qua kết quả đầu ra mà còn qua quá trình phát triển toàn diện của học sinh.

DMGT của Gagné cho phép xem xét hệ thống trường chuyên như một thiết chế can thiệp giáo dục, trong đó năng khiếu của học sinh chỉ có thể chuyển hóa thành năng lực thành tựu khi được hỗ trợ bởi chương trình học, đội ngũ giáo viên, điều kiện học tập, động lực cá nhân và các cơ hội thử thách phù hợp. Từ góc nhìn này, thành công của trường chuyên không chỉ nằm ở việc tuyển chọn được học sinh giỏi, mà còn ở năng lực tổ chức môi trường học tập đủ sâu, đủ mở và đủ bền vững để phát triển tài năng.

Trong khi đó, mô hình Ba Vòng tròn của Renzulli giúp mở rộng cách hiểu về tài năng, nhấn mạnh rằng thành tích cao chỉ là một biểu hiện của tài năng, còn hành vi tài năng bền vững cần sự kết hợp giữa năng lực, động cơ và sáng tạo. Cách tiếp cận này đặc biệt hữu ích khi đánh giá những hạn chế của mô hình trường chuyên nếu hệ thống quá thiên về thi cử, thành tích và một số môn học truyền thống. Nhờ vậy, các giai đoạn phát triển của trường chuyên trong nghiên cứu này được phân tích không chỉ như một tiến trình mở rộng mạng lưới, mà còn như quá

trình biến đổi về triết lý phát hiện, bồi dưỡng và sử dụng tài năng.

3.2. Giai đoạn hình thành và khởi đầu (1965 - 1975): Những viên gạch đầu tiên

Sự ra đời của hệ thống trường chuyên tại Việt Nam xuất phát từ những yêu cầu cấp thiết của thời đại. Trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra ác liệt và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc, việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, trở thành một nhiệm vụ chiến lược sống còn của quốc gia (Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2021). Nhận thức sâu sắc về vai trò của khoa học kỹ thuật trong quốc phòng và phát triển kinh tế, các nhà khoa học hàng đầu như Lê Văn Thiêm - Tiến sĩ Toán học đầu tiên của Việt Nam, Hoàng Tụy và Tạ Quang Bửu đã khởi xướng ý tưởng thành lập các lớp học đặc biệt nhằm phát hiện và bồi dưỡng sớm các tài năng toán học.

Ngày 14 tháng 9 năm 1965 đánh dấu một cột mốc lịch sử quan trọng trong nền giáo dục Việt Nam khi lớp chuyên Toán đặc biệt đầu tiên, được biết đến với mật danh "A0", chính thức được thành lập tại Đại học Tổng hợp Hà Nội (nay là Đại học Quốc gia Hà Nội) theo Quyết định số 198/CP của Hội đồng Chính phủ Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về việc mở những lớp cấp III phổ thông dạy học sinh có năng khiếu về Toán (Hội đồng Chính phủ Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, 1965). Sự kiện này không chỉ đánh dấu sự ra đời chính thức của mô hình đào tạo tài năng ở bậc phổ thông tại Việt Nam mà còn mở ra một chương mới trong lịch sử giáo dục nước nhà.

Lớp A0 được tổ chức với quy mô nhỏ nhưng chất lượng cao, mỗi năm chỉ tuyển 25-30 học sinh xuất sắc từ các tỉnh Miền Bắc. Trong điều kiện sơ tán tại Đại Từ, Bắc Thái, với cơ sở vật chất vô cùng thiếu thốn - không có phòng học chính quy, thiếu sách vở, dụng cụ học tập - nhưng tinh thần dạy và học của cả thầy và trò luôn được duy trì ở mức cao nhất. Chương trình học được thiết kế chuyên sâu, tập trung vào các kiến thức toán học cơ bản và nâng cao, do chính các nhà toán học hàng đầu như GS. Lê Văn Thiêm, GS. Hoàng Tụy trực tiếp giảng dạy.

Tiếp nối thành công của lớp A0, một loạt các lớp chuyên Toán khác đã ra đời tại các trường đại học sư phạm và các địa phương có truyền thống hiếu học. Ngày 24 tháng 12 năm 1966, lớp chuyên Toán thuộc Đại học Sư phạm Hà Nội được thành lập tại nơi sơ tán ở Phú Cừ, Hưng Yên với 33 học sinh đầu tiên

được tuyển chọn từ khắp Miền Bắc. Cùng năm 1966, theo quyết định của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, lớp chuyên Toán đầu tiên của khu vực miền Trung cũng được mở tại vùng sơ tán Yên Đà, xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, với 36 học sinh xuất sắc.

Năm 1974 đánh dấu một cột mốc lịch sử quan trọng khi lần đầu tiên Việt Nam cử đội tuyển tham dự kì thi Olympic Toán quốc tế (IMO) tại Cộng hòa Dân chủ Đức và đã xuất sắc giành được Huy chương Vàng đầu tiên (International Mathematical Olympiad, 1974). Thành công này không chỉ là niềm tự hào của cá nhân, gia đình các em học sinh mà còn là niềm vinh dự của cả dân tộc, một sự kiện gây tiếng vang lớn trên trường quốc tế, khẳng định sự đúng đắn của con đường đã chọn và ghi danh Việt Nam trên bản đồ Toán học thế giới.

Nhìn từ khung lí thuyết phát triển tài năng, giai đoạn 1965-1975 cho thấy mô hình trường chuyên ở Việt Nam ra đời trước hết như một đáp ứng chiến lược của quốc gia đối với nhu cầu nhân lực khoa học trong hoàn cảnh đặc biệt. Điểm đáng chú ý là ngay từ buổi đầu, mô hình này đã không chỉ dựa vào tuyển chọn học sinh có năng khiếu mà còn tạo ra một môi trường học tập chuyên sâu, được dẫn dắt bởi các nhà khoa học hàng đầu. Đây chính là tiền đề quan trọng để năng khiếu toán học của học sinh được chuyển hóa thành năng lực thành tựu, thể hiện rõ qua kết quả Olympic quốc tế năm 1974.

3.3. Giai đoạn mở rộng và định hình hệ thống (1975 - 2000): Từ mô hình thí điểm đến hệ thống quốc gia

Sau ngày đất nước thống nhất năm 1975, Việt Nam bước vào thời kì tái thiết và phát triển kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh này, nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Hệ thống trường chuyên bước vào một giai đoạn phát triển mới, được nhân rộng trên quy mô cả nước với sự đầu tư có hệ thống từ Nhà nước (Phạm Đỗ Nhật Tiến, 2017). Từ mô hình các lớp chuyên Toán ban đầu, hệ thống đã phát triển thành các trường trung học phổ thông chuyên hoàn chỉnh ở cấp tỉnh/thành phố, với nhiều môn chuyên đa dạng hơn như Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học, Ngữ văn, Ngoại ngữ.

Một trong những dấu mốc quan trọng nhất của thời kì này là sự ra đời của trường Trung học phổ thông Chuyên Hà Nội - Amsterdam vào năm 1985. Được thành lập từ sự hợp tác hữu nghị giữa nhân dân Thủ đô Hà Nội và Amsterdam (Hà Lan). Đây là mô hình trường chuyên cấp tỉnh đầu tiên được xây dựng

một cách bài bản, hiện đại, trở thành hình mẫu để các địa phương khác học tập (Trường Trung học phổ thông Chuyên Hà Nội - Amsterdam, 2010). Trường Trung học phổ thông Chuyên Hà Nội - Amsterdam không chỉ nổi bật về cơ sở vật chất khang trang mà còn có đội ngũ giáo viên ưu tú, chương trình đào tạo tiên tiến.

Trong những năm cuối thập niên 80 và thập niên 90, cùng với công cuộc Đổi mới toàn diện của đất nước, một làn sóng thành lập các trường trung học phổ thông chuyên đã diễn ra mạnh mẽ trên khắp cả nước. Hàng loạt các trường chuyên tên tuổi đã ra đời trong giai đoạn này ở các khu vực phía Bắc, miền Trung và phía Nam. Đến năm 2000, cả nước đã có gần 70 trường trung học phổ thông chuyên, tạo thành một mạng lưới rộng khắp, đóng vai trò là trung tâm chất lượng cao của giáo dục phổ thông tại mỗi địa phương (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2000).

Giai đoạn này được đặc trưng bởi sự phát triển mạnh mẽ về quy mô và sự đa dạng hóa các môn chuyên. Các trường chuyên không chỉ là nơi tập trung những học sinh xuất sắc nhất mà còn là nơi thử nghiệm các phương pháp giảng dạy tiên tiến, bồi dưỡng học sinh tham gia các kì thi học sinh giỏi quốc gia và quốc tế. Phong trào thi Olympic quốc tế tiếp tục gặt hái nhiều thành công, không chỉ ở môn Toán mà còn mở rộng ra các môn Vật lí, Hóa học, Tin học, mang lại vinh quang cho đất nước và tạo động lực to lớn cho phong trào học tập trong cả nước.

Có thể thấy, giai đoạn 1975 - 2000 là thời kì mô hình trường chuyên chuyển từ thử nghiệm hẹp sang thiết chế giáo dục có quy mô quốc gia. Sự mở rộng này giúp tăng cơ hội phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng lực nổi trội ở nhiều địa phương, đồng thời đặt nền móng cho mạng lưới trường chuyên sau này. Tuy nhiên, việc mở rộng nhanh cũng bắt đầu làm xuất hiện yêu cầu quản trị chất lượng, bảo đảm công bằng vùng miền và xác lập rõ hơn chức năng của trường chuyên trong hệ thống giáo dục phổ thông.

3.4. Giai đoạn hội nhập và hiện đại hóa (2000 - 2020): Nâng tầm chất lượng và mở rộng hợp tác

Bước sang thế kỉ XXI, Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN (1995) và sau đó là WTO (2007), đánh dấu quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng. Trong bối cảnh này, hệ thống trường trung học phổ thông chuyên tiếp tục có những bước phát triển vượt bậc, gắn liền với chủ trương chủ động hội nhập quốc tế của đất nước. Giai đoạn này được đánh dấu bằng sự đầu tư mạnh mẽ của Nhà nước cả về chính sách

và nguồn lực, nhằm nâng cấp toàn diện mạng lưới trường chuyên, hướng tới các chuẩn mực khu vực và quốc tế (Chính phủ Việt Nam, 2005).

Cú hích chính sách quan trọng nhất của giai đoạn này là Quyết định số 959/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên giai đoạn 2010-2020” (Thủ tướng Chính phủ, 2010). Đề án đặt ra những mục tiêu cụ thể và tham vọng về quy mô, chất lượng và nguồn lực. Về quy mô, đến năm 2020, mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất một trường trung học phổ thông chuyên. Về chất lượng, đầu tư xây dựng một số trường chuyên trọng điểm đạt ngang tầm các trường trung học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Về nguồn lực, tổng kinh phí đầu tư lên tới hàng nghìn tỉ đồng.

Đề án 959 đã tạo ra một cuộc “cách mạng” về cơ sở vật chất cho các trường chuyên. Nhiều trường đã được xây mới hoặc cải tạo, nâng cấp với các phòng học chức năng, phòng thí nghiệm, thư viện điện tử, sân vận động hiện đại, đồng bộ (Nhân Dân, 2016). Đây không chỉ là sự thay đổi về mặt vật chất mà còn tạo điều kiện cho việc đổi mới phương pháp dạy và học. Bên cạnh việc đầu tư phân cứng, chất lượng đội ngũ giáo viên và chương trình giảng dạy cũng được chú trọng đặc biệt.

Quy mô hệ thống tiếp tục được mở rộng một cách có chọn lọc và khoa học. Đến năm 2020, cả nước có 77 trường trung học phổ thông chuyên, hoàn thành mục tiêu của Đề án 959 (UBND tỉnh Đắk Lắk, 2022). Trong đó, có 71 trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố, 5 trường thuộc các cơ sở giáo dục đại học và 11 khối chuyên trực thuộc các trường đại học. Giai đoạn này chứng kiến sự chuyển dịch quan trọng trong vai trò của trường chuyên: Không chỉ là nơi luyện thi học sinh giỏi mà còn dần trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo giáo dục của địa phương.

Từ góc độ chính sách, giai đoạn 2000 - 2020 đánh dấu bước hiện đại hóa mạnh mẽ của hệ thống trường chuyên. Đầu tư của Nhà nước thông qua Đề án 959 không chỉ giúp hoàn thiện mạng lưới và nâng cấp cơ sở vật chất mà còn làm thay đổi kì vọng xã hội đối với trường chuyên. Trường chuyên bắt đầu được nhìn nhận như một không gian đổi mới giáo dục, nơi chất lượng dạy học, nghiên cứu khoa học học sinh và hội nhập quốc tế cần được phát triển song hành với thành tích thi học sinh giỏi.

3.5. Giai đoạn hiện nay (2020 - nay): Hoàn thiện mạng lưới và định hướng lại giá trị

Giai đoạn từ năm 2020 đến nay, diễn ra trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và đại dịch COVID-19 đặt ra những thách thức mới cho hệ thống giáo dục nói chung và giáo dục tài năng nói riêng. Sự phát triển của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các xu hướng giáo dục mới đòi hỏi hệ thống trường chuyên phải có những điều chỉnh chiến lược để thích ứng với thời đại.

Một trong những thay đổi mang tính bước ngoặt là việc ban hành Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2023). Điểm mới căn bản của thông tư này là quy định: “Không tổ chức lớp không chuyên trong trường chuyên”, bắt đầu áp dụng từ năm học 2024-2025. Quyết định này nhằm chấm dứt tình trạng “trường trong trường” vốn gây ra nhiều tranh cãi về sự công bằng, làm rõ mục tiêu đào tạo mũi nhọn của trường chuyên và tập trung nguồn lực cho việc phát triển chất lượng các lớp chuyên.

Bên cạnh hệ thống trường chuyên truyền thống, giai đoạn này chứng kiến sự xuất hiện của nhiều mô hình giáo dục tài năng mới. Sự ra đời của các trung tâm nghiên cứu và phát triển tài năng trẻ, các câu lạc bộ khoa học, các chương trình hè dành cho học sinh giỏi đã tạo ra sự đa dạng trong cách tiếp cận giáo dục tài năng (Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2025). Sự phát triển của các nền tảng học tập trực tuyến, các khóa học mở rộng (MOOC) tạo cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng cao cho nhiều học sinh hơn, không bị giới hạn bởi địa lí hay điều kiện kinh tế. Đồng thời, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 179/2024/NĐ-CP quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng và Nhà nước (Chính phủ Việt Nam, 2024), thể hiện sự quan tâm đặc biệt của lãnh đạo đất nước đối với việc phát triển và sử dụng nhân tài.

Giai đoạn từ năm 2020 đến nay cho thấy hệ thống trường chuyên đang đứng trước yêu cầu tái định vị. Việc loại bỏ lớp không chuyên trong trường chuyên giúp làm rõ hơn mục tiêu đào tạo mũi nhọn nhưng đồng thời cũng đặt ra câu hỏi về cách bảo đảm công bằng tiếp cận và phát triển toàn diện cho học sinh. Trong bối cảnh công nghệ số và kinh tế tri thức, trường chuyên không thể chỉ duy trì vai trò tuyển chọn và luyện thi, mà cần trở thành một thành tố của hệ sinh thái giáo dục tài năng đa dạng, linh hoạt

và gắn với nhu cầu phát triển nhân lực dài hạn của quốc gia.

3.6. Phát hiện, bài học kinh nghiệm và định hướng phát triển hệ thống trường chuyên

Trên cơ sở phân tích bốn giai đoạn phát triển, có thể hệ thống hóa các phát hiện nghiên cứu, bài học kinh nghiệm và định hướng phát triển của hệ thống trường chuyên như sau. Nội dung này được đưa lên cuối mục 3 nhằm làm rõ hơn kết quả nghiên cứu trước khi chuyển sang phần thảo luận, đồng thời đáp ứng yêu cầu gắn tiêu đề bài viết với “hướng đi trong tương lai”.

3.6.1. Tổng kết đánh giá từ tiến trình phát triển

Sau sáu thập kỉ hình thành và phát triển, hệ thống trường trung học phổ thông chuyên ở Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lịch sử trong việc phát hiện, đào tạo và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước. Khởi nguồn từ những lớp Toán đặc biệt ra đời trong bom đạn, hệ thống đã từng bước mở rộng và phát triển thành mạng lưới 77 trường chuyên trải dài trên cả nước, trở thành “vườn ươm” cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho nhiều lĩnh vực mũi nhọn. Thành tựu nổi bật nhất của hệ thống được minh chứng qua những kết quả ấn tượng tại các kì thi Olympic quốc tế: Kể từ tám huy chương vàng đầu tiên năm 1974, học sinh Việt Nam - với nòng cốt là học sinh trường chuyên - đã liên tục đạt thành tích cao, góp phần khẳng định vị thế trí tuệ của Việt Nam trên bản đồ giáo dục toàn cầu. Hàng nghìn học sinh từ các trường chuyên đã trưởng thành, trở thành những nhà khoa học, kĩ sư, bác sĩ, doanh nhân và chuyên gia đầu ngành, đóng góp quan trọng vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Đồng thời, các trường chuyên cũng đóng vai trò tiên phong trong việc thử nghiệm và lan tỏa những đổi mới về phương pháp dạy học, quản lí giáo dục và ứng dụng công nghệ, qua đó tạo động lực cải tiến cho toàn hệ thống giáo dục phổ thông.

Tuy nhiên, cùng với những thành công đáng ghi nhận, hệ thống trường chuyên cũng bộc lộ những hạn chế mang tính cơ cấu. Việc quá tập trung vào mục tiêu thi cử và thành tích Olympic đã dẫn đến tình trạng học lệch, thiên về đào tạo chuyên sâu trong một số môn học truyền thống mà chưa quan tâm đầy đủ đến các lĩnh vực tài năng khác. Hệ quả là, học sinh thường phải chịu áp lực học tập lớn, ít có cơ hội phát triển cân bằng về kĩ năng mềm, năng lực sáng tạo hay khả năng thích ứng xã hội. Ngoài ra, sự tập trung nguồn lực vào một số ít trường chuyên tại các đô thị lớn đã tạo ra khoảng cách đáng kể trong

cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng cao giữa các vùng miền, làm nảy sinh vấn đề bất bình đẳng trong phân bổ cơ hội phát triển tài năng. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến tính công bằng xã hội mà còn làm hạn chế khả năng huy động và phát huy tối đa tiềm năng trí tuệ đa dạng của thế hệ trẻ.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, những hạn chế nói trên càng trở nên nổi bật. Sự thay đổi nhanh chóng của tri thức, công nghệ và yêu cầu nhân lực chất lượng cao đặt ra thách thức lớn cho hệ thống trường chuyên: Nếu tiếp tục duy trì mô hình đào tạo thiên lệch vào một số môn khoa học cơ bản, hệ thống có nguy cơ tụt hậu so với xu thế phát triển của thế giới. Chính phủ đã xác định phát triển và trọng dụng nhân tài là một trong những ưu tiên chiến lược thông qua Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030 (Thủ tướng Chính phủ, 2023). Trong bối cảnh đó, việc đổi mới căn bản và toàn diện hệ thống trường chuyên trở thành yêu cầu tất yếu, nhằm bảo đảm không chỉ duy trì vai trò tiên phong trong phát hiện và bồi dưỡng nhân tài mà còn thích ứng với những biến chuyển mới của thời đại, xây dựng một hệ sinh thái giáo dục tài năng công bằng, đa dạng và bền vững hơn.

3.6.2. Định hướng chiến lược: Từ “Tuyển chọn tinh hoa” đến “Ươm mầm, nuôi dưỡng tiềm năng”

Trước yêu cầu của bối cảnh mới, hệ thống trường chuyên tại Việt Nam cần có sự chuyển đổi căn bản trong triết lí giáo dục. Thay vì duy trì tư duy “Tuyển chọn tinh hoa” - tức là tập trung tìm kiếm và đào tạo một số ít học sinh có năng khiếu vượt trội, cần chuyển sang triết lí “ươm mầm và nuôi dưỡng” - tức là kiến tạo môi trường và cơ hội để mỗi học sinh có thể phát huy tối đa tiềm năng của bản thân (Worrell, F. C và cộng sự, 2019). Sự chuyển đổi này không chỉ mang tính định hướng chiến lược mà còn phản ánh bước tiến trong nhận thức khoa học về bản chất của tài năng và quá trình phát triển con người.

Theo Mô hình Phát triển Tài năng khác biệt (DMGT) của Gagné, tài năng không phải là sản phẩm tất yếu của năng khiếu bẩm sinh mà là kết quả của một quá trình phát triển có hệ thống, được hình thành thông qua giáo dục, rèn luyện và tác động của các yếu tố môi trường (Gagné, F, 2000). Năng khiếu chỉ biểu hiện những tiềm năng tự nhiên, trong khi tài năng đòi hỏi sự nuôi dưỡng liên tục, có định hướng và được hỗ trợ bởi nhiều yếu tố trung gian như động lực cá nhân, phương pháp sư phạm phù hợp, cơ hội học tập cũng như sự khích lệ từ gia đình và xã hội.

Việc chuyển từ “Tuyển chọn” sang “Ươm mầm” vì thế mang ý nghĩa nền tảng: Thay vì coi tài năng như một đặc điểm sẵn có, cố định, giáo dục cần coi đó là một quá trình động, có thể hình thành, bồi đắp và phát triển qua thời gian. Cách tiếp cận này cho phép mở rộng phạm vi tác động của trường chuyên, không chỉ dừng lại ở việc đào tạo một nhóm nhỏ học sinh xuất sắc mà còn góp phần hình thành một hệ sinh thái giáo dục tài năng đa tầng, nơi tiềm năng của nhiều đối tượng học sinh được phát hiện và nuôi dưỡng. Điều này đồng thời đặt ra yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học, thiết kế chương trình và hệ thống đánh giá, sao cho vừa duy trì được chất lượng đào tạo chuyên sâu, vừa tạo điều kiện cho sự phát triển toàn diện và cá nhân hóa quá trình học tập.

3.6.3. Bài học kinh nghiệm và các đề xuất phát triển hệ thống trường chuyên

Thay vì duy trì một mô hình trường chuyên duy nhất, hệ thống giáo dục tài năng tại Việt Nam cần được phát triển theo nhiều mô hình linh hoạt và đa dạng hơn. Cụ thể, cần xây dựng một hệ thống phân tầng hợp lý với các cấp độ khác nhau, từ các câu lạc bộ năng khiếu mang tính đại trà tại các trường phổ thông, đến các trung tâm tài năng cấp quốc gia có tính chất chuyên sâu. Bên cạnh đó, phạm vi đào tạo cần được mở rộng, không chỉ giới hạn ở các môn khoa học cơ bản truyền thống mà còn bao quát những lĩnh vực rộng hơn, đặc biệt là các chương trình liên ngành trong khuôn khổ STEM.

Chương trình học tập tại các trường trung học phổ thông chuyên cần được thiết kế theo hướng phát triển toàn diện cho học sinh. Việc duy trì chiều sâu và chất lượng cao trong giảng dạy các môn chuyên môn là cần thiết, song song với đó cần tích hợp các kỹ năng thiết yếu của thế kỷ XXI như kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo và tư duy phản biện. Các phương pháp dạy học cũng cần được đổi mới theo hướng hiện đại, bằng cách áp dụng các phương pháp tiếp cận tích cực như học tập dựa trên dự án (PBL), giáo dục STEM, hoặc tư duy thiết kế (Design Thinking). Bên cạnh đó, nhà trường cần tăng cường các hoạt động học tập trải nghiệm, thực hành, nghiên cứu khoa học; đồng thời khai thác tối đa tiềm năng của công nghệ giáo dục hiện đại, bao gồm trí tuệ nhân tạo (AI), nhằm hỗ trợ cá nhân hóa quá trình học tập phù hợp với đặc điểm, sở thích và nhu cầu của từng học sinh.

Để đảm bảo tính công bằng và khả năng tiếp cận rộng rãi, hệ thống trường chuyên cần mở rộng cơ hội cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn thông qua

việc triển khai các chương trình học bổng. Ngoài ra, cần phát triển các chương trình đào tạo trực tuyến và từ xa, giúp học sinh ở những vùng sâu, vùng xa có thể tham gia. Các hình thức đào tạo bổ trợ như trại hè, khóa học ngắn hạn cũng nên được tổ chức nhằm tạo cơ hội trải nghiệm đa dạng cho học sinh. Về phân bổ nguồn lực, cần có chiến lược đầu tư cân đối, chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục đại trà ở tất cả các vùng miền, đồng thời khuyến khích sự chia sẻ nguồn tài nguyên chất lượng cao từ các trường chuyên đến các cơ sở giáo dục khác.

Việc hỗ trợ sự phát triển toàn diện của học sinh trường chuyên cũng đòi hỏi sự chú trọng đến khía cạnh tâm lý và đời sống tinh thần. Mỗi trường chuyên cần xây dựng một hệ thống hỗ trợ tâm lý chuyên nghiệp, đồng thời tổ chức các chương trình đào tạo giáo viên về kỹ năng nhận diện và hỗ trợ học sinh gặp khó khăn tâm lý. Bên cạnh đó, cần triển khai các hoạt động nhằm giảm thiểu căng thẳng học tập, rèn luyện kỹ năng sống và tạo dựng môi trường học đường lành mạnh. Các hoạt động ngoại khóa đa dạng như câu lạc bộ khoa học, nghệ thuật, thể thao, dự án cộng đồng và hoạt động tình nguyện cũng đóng vai trò quan trọng trong việc bồi dưỡng năng lực, nhân cách và kỹ năng xã hội của học sinh.

Hệ thống trường chuyên cũng cần được gắn kết chặt chẽ hơn với thị trường lao động và các nhu cầu thực tiễn của xã hội. Việc hợp tác với doanh nghiệp cần được đẩy mạnh, thông qua việc mời các chuyên gia, doanh nhân tham gia giảng dạy, hướng dẫn hoặc chia sẻ kinh nghiệm. Các chương trình thực tập, trải nghiệm nghề nghiệp cũng như các dự án nghiên cứu hợp tác giữa trường học và doanh nghiệp cần được phát triển để học sinh có điều kiện tiếp xúc thực tiễn. Công tác định hướng nghề nghiệp cần được triển khai sớm, ngay từ lớp 10, với sự chú trọng vào việc tư vấn lựa chọn ngành nghề phù hợp, đồng thời giới thiệu cho học sinh về các xu hướng nghề nghiệp mới trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp 4.0.

Bên cạnh đó, đổi mới trong công tác tuyển chọn và đánh giá học sinh là yêu cầu tất yếu. Việc tuyển chọn cần được đa dạng hóa phương thức, không chỉ dựa trên kết quả các kì thi tuyển mà còn xem xét đến hồ sơ năng lực, các sản phẩm nghiên cứu hoặc dự án cá nhân. Quá trình đánh giá cần được tiến hành đa chiều, bao gồm năng lực học thuật, kỹ năng mềm và phẩm chất đạo đức nhằm tạo cơ hội cho những học sinh có tài năng nổi bật ở các lĩnh vực khác nhau. Hệ thống đánh giá cũng cần được cải tiến theo hướng giảm bớt áp lực thi cử, tăng cường hình thức đánh

giá quá trình, đồng thời áp dụng những phương pháp đánh giá linh hoạt và đa dạng, qua đó phản ánh chính xác hơn năng lực và sự phát triển toàn diện của học sinh.

4. Thảo luận

Sau khi các phát hiện và định hướng chính đã được hệ thống hóa ở cuối mục 3, phần thảo luận dưới đây được giữ lại để làm rõ hơn ý nghĩa của các kết quả đó, đặc biệt ở hai bình diện: đóng góp nổi bật của mô hình trường chuyên và những giới hạn cần tiếp tục xử lý trong quá trình đổi mới.

4.1. Những thành tựu nổi bật của hệ thống trường chuyên

Thành tựu lớn nhất và không thể phủ nhận của hệ thống trường trung học phổ thông chuyên trong suốt gần 60 năm phát triển chính là vai trò tiên phong trong việc phát hiện, bồi dưỡng và phát triển nhân tài cho đất nước. Các trường chuyên đã trở thành những “vườn ươm” quan trọng, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các trường đại học hàng đầu trong và ngoài nước cũng như cho các lĩnh vực khoa học - công nghệ then chốt và các ngành kinh tế mũi nhọn. Trải qua nhiều thế hệ, hệ thống trường chuyên đã góp phần hình thành một lớp trí thức ưu tú, giữ vai trò nòng cốt trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, giảng dạy đại học, quản lý nhà nước, cũng như trong khu vực doanh nghiệp và đổi mới sáng tạo.

Thành tích nổi bật của học sinh Việt Nam tại các kì thi Olympic quốc tế chính là minh chứng thuyết phục cho hiệu quả của mô hình trường chuyên. Kể từ tám huy chương vàng đầu tiên tại Olympic Toán học quốc tế năm 1974, các đội tuyển Việt Nam - với nòng cốt là học sinh trường chuyên - đã liên tục gặt hái thành công, khẳng định vị thế trí tuệ của Việt Nam trên bản đồ giáo dục thế giới. Đặc biệt, trong giai đoạn 2020 - 2025, Việt Nam duy trì ổn định vị trí trong nhóm 10 quốc gia dẫn đầu, với tổng cộng hơn 40 huy chương vàng tại các kì thi Olympic Toán học, Vật lý, Hóa học, Tin học và Sinh học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025). Những thành tựu này không chỉ mang lại vinh quang cho đất nước mà còn củng cố niềm tin vào năng lực cạnh tranh trí tuệ của thế hệ trẻ Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Ngoài đóng góp về thành tích quốc tế, hệ thống trường chuyên còn đảm nhận vai trò “đầu tàu đổi mới” trong giáo dục phổ thông. Với đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn cao, cùng cơ sở vật chất được ưu tiên đầu tư, các trường chuyên đã trở thành

môi trường thí điểm nhiều phương pháp và mô hình giáo dục tiên tiến (Nguyễn Thị Phương Nhung, Phạm Xuân Sơn, 2020). Trong đó, có thể kể đến việc triển khai các chương trình giáo dục STEM, gắn kết lý thuyết với thực hành và liên kết liên môn; áp dụng các phương pháp học tập hiện đại như học tập dựa trên dự án (Project-Based Learning - PBL), học tập hợp tác và lớp học đảo ngược (Flipped Classroom). Những thử nghiệm này sau đó được đánh giá, điều chỉnh và nhân rộng, đã góp phần thúc đẩy quá trình đổi mới phương pháp dạy học trong toàn hệ thống giáo dục phổ thông Việt Nam.

Có thể khẳng định rằng, đóng góp của hệ thống trường chuyên không chỉ được đo lường bằng các giải thưởng hay huy chương mà còn ở tầm ảnh hưởng mang tính lan tỏa đối với toàn bộ nền giáo dục. Các trường chuyên đã trở thành biểu tượng cho khát vọng vươn lên bằng tri thức, đồng thời đóng vai trò cầu nối giữa giáo dục phổ thông với nghiên cứu khoa học và giáo dục đại học, qua đó góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước.

4.2. Những hạn chế và thách thức cần giải quyết

Hạn chế lớn nhất của hệ thống trường chuyên hiện tại là sự thiên lệch quá mức vào thành tích thi cử. Áp lực giành giải thưởng trong các kì thi học sinh giỏi đã vô hình trung biến nhiều trường chuyên thành những “lò luyện thi”, nơi việc học tập bị thu hẹp vào phạm vi các môn chuyên và các dạng bài tập khó, thay vì hướng tới sự phát triển toàn diện (Lê Anh Vinh và cộng sự, 2025). Chương trình học quá tập trung vào các môn chuyên, bỏ qua các môn khác, phương pháp dạy học thiên về luyện thi, ít chú trọng đến việc phát triển tư duy sáng tạo. Học sinh có xu hướng “học lệch”, thiếu kiến thức và kĩ năng ở các lĩnh vực khác, đồng thời phải chịu áp lực tâm lí nặng nề từ việc phải đạt thành tích cao.

Nghiên cứu tại Việt Nam cũng cho thấy, học sinh trường chuyên có mức độ căng thẳng và áp lực trong học tập cao hơn đáng kể so với học sinh trường thường (Bùi Diệu Quỳnh và cộng sự, 2021). Điều này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tâm lí và sự phát triển toàn diện của các em. Môi trường cạnh tranh cao tại các trường chuyên đã tạo ra áp lực tâm lí đáng kể cho học sinh với các nguyên nhân bao gồm kì vọng cao từ gia đình và xã hội, cạnh tranh gay gắt giữa các bạn học, áp lực phải duy trì thành tích xuất sắc, lịch học dày đặc và khối lượng bài tập lớn.

Mô hình trường chuyên hiện tại đang tạo ra sự bất bình đẳng trong hội tiếp cận giáo dục chất lượng

cao. Việc tập trung nguồn lực tốt nhất (giáo viên giỏi, cơ sở vật chất hiện đại, chương trình học tiên tiến) cho một số ít trường chuyên đã làm gia tăng khoảng cách về chất lượng giáo dục. Bất bình đẳng này thể hiện ở nhiều khía cạnh về mặt địa lý, kinh tế và thông tin. Các trường chuyên chất lượng cao chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn, trong khi các vùng nông thôn, miền núi có ít cơ hội tiếp cận.

Hệ thống trường chuyên hiện nay vẫn chủ yếu tập trung vào việc phát hiện và bồi dưỡng các tài năng học thuật truyền thống như Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học và Tin học, trong khi còn ít quan tâm đến những loại hình tài năng khác như nghệ thuật, thể thao, kĩ năng xã hội hay năng lực lãnh đạo (Gardner, H, 1983). Theo lí thuyết đa trí tuệ của Howard Gardner, con người sở hữu ít nhất tám dạng trí tuệ khác nhau, nhưng hệ thống trường chuyên ở Việt Nam hiện mới chú trọng phát triển chủ yếu hai đến ba dạng trí tuệ liên quan đến logic - toán học và ngôn ngữ.

Bên cạnh đó, sự thiếu vắng các mô hình đào tạo theo lĩnh vực rộng như STEM khiến học sinh thường bị bó hẹp vào một môn chuyên ngay từ rất sớm. Việc định hướng quá sớm theo từng môn học riêng lẻ không phản ánh đúng bản chất liên ngành của khoa học hiện đại, đồng thời làm hạn chế khả năng tiếp cận tri thức toàn diện, giảm tính ứng dụng và sự linh hoạt của người học trong việc thích ứng với bối cảnh thực tiễn.

5. Kết luận

Các nội dung về tổng kết đánh giá, định hướng chiến lược và đề xuất chính sách đã được chuyển lên cuối mục 3 như một phần của kết quả nghiên cứu. Vì vậy, mục kết luận dưới đây chỉ tóm lược lại thông điệp chính của bài viết và mở ra hướng tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện mô hình giáo dục tài năng trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2000). *Báo cáo tình hình phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên giai đoạn 1975-2000*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). *Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2023 quy định về quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2024). *100% học sinh Việt Nam dự thi Olympic quốc tế năm 2024 đều đoạt giải*. Truy xuất từ <https://vqa.moet.gov.vn/vi/news/tin-tuc-su-kien/100-hoc-sinh-viet-nam-du-thi-olympic->

Hệ thống trường trung học phổ thông chuyên tại Việt Nam đã trải qua một hành trình phát triển đầy tự hào, góp phần quan trọng vào việc phát hiện, bồi dưỡng và đào tạo nhiều thế hệ học sinh tài năng cho đất nước. Tuy nhiên, để tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hệ thống này cần thực hiện những đổi mới mang tính căn bản và toàn diện. Sự chuyển dịch từ triết lí “Tuyển chọn tinh hoa” sang “Kiến tạo và phát triển tiềm năng” không chỉ phản ánh xu thế tất yếu của thời đại mà còn mở ra hướng tiếp cận mới, hướng tới việc xây dựng một hệ sinh thái giáo dục tài năng công bằng, hiệu quả và bền vững.

Thành công của quá trình đổi mới này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa nhiều chủ thể: Nhà nước và các nhà hoạch định chính sách cần tạo khung pháp lí và cơ chế hỗ trợ phù hợp; đội ngũ nhà giáo dục cần đổi mới phương pháp giảng dạy và quản lí; gia đình và cộng đồng cần đóng vai trò đồng hành, khuyến khích và nuôi dưỡng tiềm năng của học sinh. Bên cạnh đó, sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp, tổ chức xã hội và mạng lưới quốc tế cũng là yếu tố quan trọng để mở rộng không gian học tập, gắn kết đào tạo với thực tiễn và nâng cao năng lực cạnh tranh toàn cầu.

Chỉ khi có được sự đồng thuận và nỗ lực chung của toàn xã hội, Việt Nam mới có thể kiến tạo nên một hệ thống giáo dục tài năng thực sự hiện đại, kế thừa truyền thống hiếu học của dân tộc, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỉ nguyên mới. Đây không chỉ là một nhiệm vụ giáo dục, mà còn là một chiến lược phát triển quốc gia lâu dài, gắn với tầm nhìn xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, sáng tạo và trách nhiệm - những yếu tố then chốt cho sự phát triển bền vững và thịnh vượng của đất nước.

[quoc-te-nam-2024-deu-doat-giai-157.html](https://vqa.moet.gov.vn/vi/news/tin-tuc-su-kien/100-hoc-sinh-viet-nam-du-thi-olympic-quoc-te-nam-2024-deu-doat-giai-157.html)

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025). *Báo cáo thành tích học sinh Việt Nam tại các kì thi Olympic quốc tế giai đoạn 2020-2025*.

- Bùi Diệu Quỳnh, Hoàng Phương Hạnh, Bùi Thị Thao & Đỗ Quyên (2021). Đào tạo trong trường trung học phổ thông chuyên từ góc nhìn của học sinh chuyên. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 39(3), tr.1-8.

- Chính phủ Việt Nam. (2005). *Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP về Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo*

- Việt Nam giai đoạn 2006-2020.
- Chính phủ Việt Nam. (2012). *Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2012 phê duyệt "Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020"*.
- Chính phủ Việt Nam. (2024). *Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng và Nhà nước*.
- Gagné, F. (2000). A Differentiated Model of Giftedness and Talent (DMGT). *Gifted Child Quarterly*, 44(2), pp.78-85.
- Gardner, H. (1983). *Frames of Mind: The Theory of Multiple Intelligences*. Basic Books.
- Hội đồng Chính phủ Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. (1965). *Quyết định số 198/CP về việc Mở những lớp cấp III phổ thông dạy học sinh có năng khiếu về toán*.
- International Mathematical Olympiad. (1974). *Results of the 16th International Mathematical Olympiad*.
- Le Anh Vinh, Hoang Phuong Hanh, Bui Thi Dien. (2024). Gifted education in Vietnam: Contribution and limitations. *Gifted Education International*, 40(1), pp.25-41.
- Lê Anh Vinh, Nguyễn Thị Kiều Oanh & Trần Thị Bích Ngân. (2025). Kinh nghiệm tổ chức triển khai chương trình giáo dục tài năng, năng khiếu của Singapore và khuyến nghị. *Tạp chí Giáo dục*, 25(10), tr.18-23.
- Nguyễn Thị Phương Nhung, Phạm Xuân Sơn. (2020). Tổng quan các nghiên cứu ở nước ngoài về phát triển năng lực giáo dục STEM cho giáo viên. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 20(S2), tr.61-66.
- Nhân Dân. (2016). *Xây dựng và phát triển các trường trung học phổ thông chuyên theo hướng chất lượng giáo dục cao*. <https://nhandan.vn/xay-dung-va-phat-trien-cac-truong-trung-hoc-pho-thong-chuyen-theo-huong-chat-luong-giao-duc-cao-post273860.html>
- Phạm Đỗ Nhật Tiến. (2017). *Quyền tự chủ trường phổ thông ở Việt Nam: Hiện trạng và những việc cần làm*. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 1(5), tr.145-152.
- Renzulli, J. S. (1978). What makes giftedness? Reexamining a definition. *Phi Delta Kappan*, 60(3), pp.180-184.
- Trần Thị Bích Ngân, Nguyễn Thu Hà, Phạm Thị Hồng Thắm, Phùng Thị Thu Trang, Vũ Văn Luân. (2024). Mô hình giáo dục học sinh tài năng, năng khiếu trên thế giới và khuyến nghị đối với Việt Nam. *Tạp chí Giáo dục*, 24(17), tr.54-59.
- Thủ tướng Chính phủ. (2010). *Quyết định số 959/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 về việc Phê duyệt Đề án phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên giai đoạn 2010-2020*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2023). *Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2023 phê duyệt Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030*.
- Trường Trung học phổ thông Chuyên Hà Nội - Amsterdam. (2010). *25 năm xây dựng và phát triển (1985-2010)*. Báo cáo tổng kết.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. (2022). *Tổng kết Đề án Phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên giai đoạn 2010-2020*. https://daklak.gov.vn/chi-tiet-tin/-/asset_publisher/TqHb5v0CaLB0/content/tong-ket-e-an-phat-trien-he-thong-truong-trung-hoc-pho-thong-chuyen-giai-oan-2010-2020
- Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. (2021). *80 năm giáo dục phát triển đất nước*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. (2025). *Xây dựng mô hình giáo dục học sinh tài năng cho Việt Nam*. <https://tapchikhqigd.edu.vn/en/2025/04/22/xay-dung-mo-hinh-giao-duc-hoc-sinh-tai-nang-cho-viet-nam/>
- Worrell, F. C., Subotnik, R. F., Olszewski-Kubilius, P. & Dixon, D. D. (2019). Gifted Students. *Annual Review of Psychology*, 70, pp.551-576.